

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chiến lược phát triển của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng
giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/QĐ-HĐĐH ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3859/QĐ-HĐĐH ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Nghị quyết phiên họp thứ hai Hội đồng trường Trường Đại học Bách, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Nghị quyết phiên họp thứ 21 Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chiến lược phát triển Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, toàn thể viên chức, người lao động, các tổ chức và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Giám đốc ĐHĐN (để báo cáo);
- Đảng ủy Trường ĐHBK (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCHC.



PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiếu

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
GIAI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5274/QĐ-ĐHBK ngày 24 / 10 / 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2025

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

VC	Viên chức
CGCN	Chuyển giao công nghệ
CLC	Chất lượng cao
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
ĐHBK	Đại học Bách khoa
ĐHĐN	Đại học Đà Nẵng
ĐHQG	Đại học quốc gia
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học
GS/PGS	Giáo sư/Phó Giáo sư
HTQT	Hợp tác quốc tế
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN	Khoa học công nghệ
KPI	Các chỉ số chính
MOOC	Khóa học mở đại chúng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PFIEV	Chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp
PVCD	Phục vụ cộng đồng
SV	Sinh viên
TTTT	Thông tin truyền thông

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
GIẢI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu Nhà trường

Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng được thành lập vào năm 1975, tiền thân từ Viện Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 66/QĐ ngày 15 tháng 7 năm 1975 của Ủy ban Nhân dân Cách mạng khu Trung Trung bộ. Ngày 27 tháng 10 năm 1976, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 426-TTg về việc thành lập Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng trên cơ sở của Viện Đại học Đà Nẵng. Tháng 4 năm 1994, Đại học Đà Nẵng được thành lập theo Nghị định số 32/CP của Chính phủ. Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng được đổi tên thành Trường Đại học Kỹ thuật. Tháng 9 năm 2004, Trường Đại học Kỹ thuật được đổi tên thành Trường Đại học Bách khoa thuộc Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 1178/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 09 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đóng trên địa bàn phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển (1975-2025), Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để đạt được nhiều kết quả hết sức to lớn, từng bước xây dựng, hoàn thiện mô hình quản trị đại học tiên tiến, hiện đại. Năm 2023, Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (chu kỳ 2) bởi tổ chức kiểm định quốc tế HCERES. Nhiều chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế (AUN-QA, CTI, ASIIN). Đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ cao, được đào tạo chính quy, bài bản từ các nước tiên tiến. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm khoảng 76% trên tổng số giảng viên cơ hữu toàn trường (tại thời điểm tháng 6/2025), là trường có tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ cao nhất trong số các trường thành viên Đại học Đà Nẵng, thuộc top đầu các trường đại học trong cả nước. Đến nay Nhà trường đã đào tạo cung cấp hơn 80 ngàn cử nhân, kỹ sư, kiến trúc sư, thạc sĩ, tiến sĩ, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo của khu vực miền Trung-Tây nguyên và cả nước. Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng đã trở thành một trong những cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín, hàng đầu cả nước.

Với những đóng góp của nhiều thế hệ viên chức, giảng viên, cựu sinh viên cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền Trung-Tây nguyên và cả nước, Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu và phần thưởng

cao quý: Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, Huân chương độc lập (hạng Nhì), Huân chương Lao động (hạng Nhất).

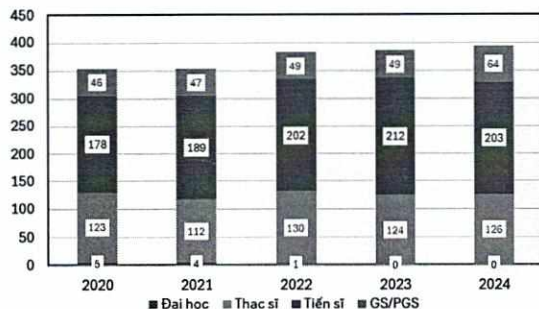
2. Đặc điểm tình hình

- Cơ cấu tổ chức: Trường Đại học Bách khoa có 09 đơn vị chức năng, 14 khoa, 09 trung tâm, 01 viện. Tổng số viên chức, người lao động (tại thời điểm 01/7/2025) là 546 người, trong đó có 407 viên chức giảng dạy, bao gồm: 03 giáo sư, 60 phó giáo sư; 210 tiến sĩ, 126 thạc sĩ. Khối hành chính có 139 người, trong đó có 02 tiến sĩ, 21 thạc sĩ và 76 người có trình độ đại học;

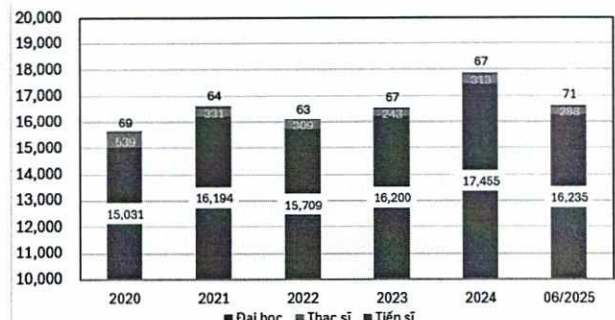
- Công đoàn Trường là công đoàn cơ sở thuộc Công Đoàn Đại học Đà Nẵng, gồm 20 công đoàn bộ phận với tổng số 546 Công đoàn viên. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 13.993 Đoàn viên; 14 Liên chi đoàn; 393 chi đoàn;

- Nhiệm vụ chức năng: Trường Đại học Bách khoa có nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng. Nhà trường hiện đang thực hiện đào tạo 41 CTĐT trình độ đại học, 17 CTĐT thạc sĩ và 16 CTĐT trình độ tiến sĩ với quy mô đào tạo hơn 16.000 sinh viên, 300 học viên cao học và 70 nghiên cứu sinh (tại thời điểm tháng 6/2025);

- Cơ sở: Trường Đại học Bách khoa có tổng diện tích đất 236.650 m² tại địa chỉ 54 Nguyễn Lương Bằng, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, trong đó diện tích xây dựng là 92.683 m², bao gồm: Nhà đa năng 925 m²; Các khu làm việc hành chính 18.098 m²; Phòng thí nghiệm: 12.917 m²; Xưởng thực hành/vườn trạm: 4.108 m²; Các giảng đường: 21.414 m²; 5 tòa nhà Ký túc xá sinh viên với diện tích: 14.636 m²; Trung tâm Học liệu và Truyền thông có diện tích sử dụng 5.040 m².



Hình 1. Thống kê đội ngũ giảng viên theo trình độ



Hình 2. Quy mô đào tạo các trình độ

II. LUẬN CỨ KHOA HỌC XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐHBK, ĐHĐN GIAI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN 2045

1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương và chính sách chủ động tham gia trong Cách mạng công nghiệp 4.0;

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 10/8/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Nghị quyết số 193/2025/QH15 19-02-2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 393/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”;

Quyết định số 374/QĐ-TTg ngày 19/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0 đến năm 2030;

Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025–2035 và định hướng tới năm 2045;

Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 26/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ phát triển điện hạt nhân đến năm 2035;

Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược;

Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

Nghị quyết 23/NQ-HĐQH ngày 28/4/2023 về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX nhiệm kỳ 2025-2030 trường Đại học Bách khoa, ĐH Đà Nẵng.

Thành tựu đạt được của Nhà trường trong giai đoạn 2020-2025.

2. Bối cảnh quốc tế và trong nước

2.1. Bối cảnh quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục đại học đang trải qua những chuyển biến sâu sắc trước tác động đồng thời của nhiều xu thế lớn:

a) Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ sinh học, vật liệu mới... đang định hình lại nhu cầu nhân lực kỹ thuật - công nghệ toàn cầu. Các cơ sở giáo dục đại học cần quan tâm đến việc xây dựng, rà soát cập nhật thường xuyên các chương trình đào tạo chuyên sâu đến các lĩnh vực công nghệ này, đồng thời bản thân người học cần không ngừng học hỏi, cập nhật kiến thức và kỹ năng để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động trong thời kỳ kỷ nguyên số.

b) Cơ sở giáo dục đại học không chỉ là nơi giảng dạy và nghiên cứu, mà còn trở thành hạt nhân của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nơi tạo ra tri thức, công nghệ và thúc đẩy khởi nghiệp. Mục tiêu của giáo dục đại học không chỉ cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, mà cần trang bị cho người học năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp. Xã hội, nhà sử dụng lao động tìm kiếm và đánh

giá cao những người học tốt nghiệp có nền tảng giáo dục khai phóng tốt, có kiến thức rộng đồng thời hiểu biết sâu về một chuyên ngành; có tư duy sâu sắc, khả năng giải quyết vấn đề và phối hợp được với người khác.

c) Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và công nghệ giáo dục đã và đang làm thay đổi mạnh mẽ giáo dục đại học. Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo không chỉ tác động đến nội dung chương trình đào tạo mà còn làm thay đổi phương thức giảng dạy, nghiên cứu và quản trị đại học. Mô hình đại học chia sẻ cùng với các thay đổi về phương thức giảng dạy, nghiên cứu và quản trị đại học dựa trên nền tảng công nghệ, chuyển đổi số đã và đang được nhiều trường đại học tiên tiến trên thế giới triển khai, thông qua các mô hình đại học số, lớp học ảo, nghiên cứu mở và chia sẻ dữ liệu toàn cầu. Học tập trực tuyến với các phương thức dạy học khác như dạy học kết hợp (blended learning), lớp học đảo ngược (flipped classroom) hay các khóa học mở đại chúng (MOOCs), mặc dù không thể thay thế mô hình dạy học truyền thống, nhưng có vai trò ngày càng quan trọng trong việc mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, cập nhật kiến thức và học tập suốt đời.

d) Quốc tế hóa giáo dục đại học là xu thế phát triển chung của các trường đại học trên thế giới, góp phần xây dựng tiềm lực kinh tế, xã hội và nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua thúc đẩy và nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị trí xếp hạng, giúp các nghiên cứu khoa học đạt được các chuẩn mực quốc tế.

Quốc tế hóa giáo dục đại học cung cấp cho người học các trải nghiệm học tập toàn cầu thông qua các chương trình hợp tác giao lưu trao đổi giáo dục xuyên quốc gia, thúc đẩy quá trình hội nhập của giáo dục đại học của mỗi quốc gia trong khu vực và trên thế giới, từ đó gia tăng tiềm năng và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên.

đ) Phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu là các ưu tiên toàn cầu, yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học tích hợp các giá trị xanh, nhân văn và trách nhiệm xã hội trong chiến lược phát triển.

2.2. Bối cảnh trong nước

Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là quan điểm chiến lược xuyên suốt của Đảng ta qua các giai đoạn. Đây là một trong ba đột phá chiến lược được Đảng ta xác định và nâng tầm qua các kỳ Đại hội. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI xác định “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế...”; văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; phát huy vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước”; văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII xác định “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất

lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm.”.

Yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực then chốt, trên cơ sở đổi mới căn bản và toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với phát triển mạnh khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST) cũng được thể hiện trong “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030” cũng như trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng về định hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của các vùng kinh tế đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 10/8/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”. Mục tiêu đến năm 2030 “Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực khoa học, công nghệ đạt trình độ quốc tế. Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế”. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Giáo dục đại học Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi chiến lược với các động lực lớn. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, trong đó khẳng định vai trò then chốt của giáo dục đại học trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định: “Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực then chốt” để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; xây dựng cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ then chốt. Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Có cơ chế đặc biệt để thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “Tổng công trình sư” trong và ngoài nước. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế, đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài. Xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân

tạo. Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hoá phương thức đào tạo.

Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030 hướng tới “Xây dựng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, hội nhập và hiện đại”, phát triển các cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến 2050 định hướng hình thành các đại học kỹ thuật trọng điểm quốc gia và khu vực, có khả năng dẫn dắt chuyển đổi khoa học – công nghệ trong các lĩnh vực then chốt. Quyết định số 1002/QĐ-TTg xác định các ngành công nghệ cao như tự động hóa, công nghệ thông tin, vật liệu mới, năng lượng tái tạo... là trọng điểm đào tạo nhân lực, với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành trung tâm công nghệ cao của khu vực. Điều này đòi hỏi các trường đại học phải đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

3. Phân tích thực trạng

Là trường đại học thành viên Đại học Đà Nẵng, đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng - một thành phố có vị trí chiến lược quan trọng, năng động, đáng sống; có nhiều tiềm năng, lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, kinh tế biển, vị trí địa kinh tế và địa chiến lược quan trọng của khu vực miền Trung và cả nước.

3.1. Cơ hội và thách thức

a) Cơ hội

- Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ, nhiều chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đảng, Chính phủ đã được ban hành nhằm định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Các định hướng này tập trung vào việc đột phá về khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng tốc chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực. Đây là cơ hội lớn để Nhà Trường định vị lại chiến lược đào tạo, xây dựng các chương trình học gắn với công nghệ mới, đồng thời mở rộng hợp tác với doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu để tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững;

- Chính sách phát triển giáo dục STEM được triển khai sâu rộng trong hệ thống giáo dục phổ thông đã góp phần hình thành niềm yêu thích và kỹ năng nền tảng về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học cho học sinh. Điều này dẫn đến số lượng học sinh đăng ký vào các khối ngành kỹ thuật – công nghệ có xu hướng tăng qua từng năm. Đây chính là cơ hội để nhà trường thu hút được nhiều thí sinh có tố chất, đam mê và định hướng nghề nghiệp rõ ràng, qua đó nâng cao chất lượng đầu vào, đồng thời phát triển mạnh các ngành mũi nhọn phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động;

- Nhà trường nhận được sự quan tâm và hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất từ Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các Bộ, ngành có liên quan. Nguồn lực này giúp cải thiện đáng kể hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, từ phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đến

các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu. Đây là điều kiện thuận lợi để Nhà trường không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu mà còn tạo môi trường học tập hiện đại, thu hút sinh viên, giảng viên và nhà khoa học trong và ngoài nước đến hợp tác và làm việc;

- Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” với mục tiêu đến năm 2030 xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên. Chính quyền thành phố Đà Nẵng quan tâm cao đối với giáo dục đại học và KHCN. Sở GD&ĐT, Sở KH&CN đã có những chương trình, dự án và hoạt động phối hợp, tài trợ, đầu tư, thu hút giảng viên và người học của Trường ĐHBK, ĐHĐN cùng tham gia phát triển thành phố Đà Nẵng theo những định hướng chiến lược mà Thành phố đang phát triển, trong đó ưu tiên tập trung vào lĩnh vực công nghệ.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 03/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu có định hướng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở khu vực miền Trung trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia;

- Quyết định số 452/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định mục tiêu đến năm 2030 hình thành các trung tâm giáo dục đại học lớn, đào tạo chất lượng cao, trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tại 04 vùng đô thị, trong đó có thành phố Đà Nẵng, tạo động lực phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và cả nước. Trường Đại học Bách khoa cùng với một số trường đại học lớn trong cả nước được giao nhiệm vụ đầu mối mạng lưới Trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo khu vực miền Trung; tham gia đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035;

- ĐHĐN đã có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát đối với sự phát triển của Trường ĐHBK. Nhà trường tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, căn bản và toàn diện nhằm phát huy hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động, gia tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm đào tạo, khoa học công nghệ đỉnh cao, hoàn thành sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

b) Thách thức

- Trong giai đoạn vừa qua, Nhà nước và Bộ GDĐT đã hết sức chú trọng vấn đề tự chủ và đã cố gắng tạo ra hành lang pháp lý cho quyền tự chủ của các cơ sở GDDH, nhưng các quyền tự chủ đó vẫn chưa thật sự phát huy hết tác dụng vì tính chất chưa triệt để và sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong các chủ trương chính sách của Nhà nước. Các cơ sở GDDH vẫn hết sức mong muốn được tăng thêm quyền tự chủ, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý tài chính, bộ máy, nhân sự, tuyển sinh, trang thiết bị, cơ sở vật chất;

- Quyền tự chủ của các trường tăng lên thì trách nhiệm giải trình trước các chủ thể hữu quan về việc bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ và cam kết của cơ sở GDDH phải được thực thi đầy đủ, bắt buộc Nhà trường phải năng động hơn trong mọi hoạt động trong bối cảnh cạnh tranh trong hoạt động giáo dục đại học tiếp tục gia tăng;

- Các trường đại học trong và ngoài nước liên tục đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy, cũng như đẩy mạnh các hoạt động quảng bá để thu hút sinh viên. Bên cạnh đó, việc cạnh tranh trong tuyển sinh không chỉ diễn ra ở bậc đại học chính quy mà còn mở rộng sang đào tạo sau đại học, liên kết quốc tế và các chương trình ngắn hạn. Ngoài ra, cuộc đua thu hút và giữ chân giảng viên, nhà khoa học giỏi giữa các trường cũng trở nên quyết liệt, đòi hỏi Trường phải có chiến lược rõ ràng để khẳng định vị thế và thương hiệu;

- Bối cảnh hội nhập và tự chủ đại học đặt ra yêu cầu cấp thiết cho Nhà phải đổi mới toàn diện trong công tác quản trị. Việc áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả và có tính trách nhiệm giải trình cao là xu thế tất yếu. Điều này đòi hỏi Nhà trường phải tăng cường năng lực quản trị chiến lược, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, đồng thời cải tiến cơ chế tài chính, nhân sự và đào tạo. Sự thay đổi này không chỉ liên quan đến cơ cấu tổ chức và quy trình làm việc mà còn yêu cầu một sự thay đổi mạnh mẽ về tư duy và văn hóa quản trị trong toàn bộ hệ thống.

3.2. Phân tích điểm mạnh và tồn tại

Lĩnh vực	Điểm mạnh	Điểm tồn tại
1. Tổ chức, quản trị	1. Thương hiệu, lịch sử 50 xây dựng và phát triển. 2. Có tổ chức bộ máy ổn định, hệ thống quản trị hiệu quả, minh bạch. 3. Hệ thống văn bản, quy chế, quy định nội bộ ban hành đầy đủ, được rà soát cập nhật định kỳ. 4. Chiến lược phát triển Nhà trường được ban hành, định kỳ được rà soát.	1. Đội ngũ lãnh đạo quản lý chưa được tham gia nhiều các khoá đào tạo về công tác lãnh đạo quản lý. 2. Chiến lược phát triển chưa được giám sát, điều chỉnh kịp thời, do quá nhiều tiêu chí đánh giá. Thiếu hệ thống giám sát, ra quyết định (MIS).
2. Đội ngũ giảng viên	1. Đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ cao, năng lực nghiên cứu tốt, hầu hết được đào tạo bài bản từ các nước tiên tiến trên thế giới. 2. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư chiếm tỷ lệ cao, thuộc top đầu các trường ĐH trong cả nước.	1. Công tác tuyển dụng GV gặp khó khăn. Một số GV sau khi hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu ở nước ngoài không quay về trường tiếp tục công tác. 2. Giảng viên trẻ thiếu kinh nghiệm thực tiễn. Một số GV lớn tuổi năng lực CNTT, ngoại ngữ hạn chế, ngại đổi mới phương pháp giảng dạy. 3. Năng lực đội ngũ chuyên viên tại một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc.
3. Tuyển sinh và đào tạo	1. Cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó nhiều ngành đào tạo liên thông cả 03 trình độ. 2. Được tự chủ trong hoạt động tuyển sinh, tự chủ mở mới ngành, chuyên ngành đào tạo, tự chủ xác định học phí. 3. Quy mô và chỉ tiêu tuyển sinh đại học tăng qua các năm. Kết quả tuyển sinh đại học luôn đạt chỉ tiêu cho phép.	1. Tuyển sinh sau đại học gặp nhiều khó khăn, phân bố không đều giữa các ngành đào tạo. 2. Tỷ lệ sinh viên, nghiên cứu sinh tốt nghiệp đúng tiến độ thấp. 3. Triển khai ứng dụng CNTT, các hình thức dạy học hiện đại phục vụ đổi mới, cải tiến nội dung chương trình và phương pháp dạy học còn hạn chế. 4. Quy mô SV không đồng đều giữa các ngành đào tạo. Một số ngành vượt quá năng lực đào tạo. Nhiều giảng viên có số lượng giờ giảng quá lớn, không đảm bảo thời gian nghiên cứu.

Lĩnh vực	Điểm mạnh	Điểm tồn tại
4. Kiểm định và Bảo đảm chất lượng	1. Là một trong số ít các trường ĐH trong cả nước đạt chuẩn kiểm định quốc tế (chu kỳ 2). 2. Số lượng CTĐT đạt chuẩn kiểm định quốc tế tăng. 3. Văn hoá chất lượng bước đầu hình thành trong đội ngũ VC, giảng viên.	1. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong (IQA) chưa được hoàn thiện. 2. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong gồm dữ liệu các mặt hoạt động của Nhà trường chưa được tích hợp, liên thông để hỗ trợ phân tích, đánh giá và dự báo xu hướng.
5. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	1. Ban hành nhiều chính sách về NCKH tạo động lực gia tăng đáng kể số lượng các công bố khoa học của Nhà trường trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục WoS và Scopus. 2. Tổ chức nhiều sự kiện khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho sinh viên (phối hợp với doanh nghiệp, địa phương). 3. Triển khai nhiều đề tài hợp tác với các doanh nghiệp, địa phương.	1. CSVC phục vụ nghiên cứu còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu. 2. Chưa có nhóm NC mạnh có khả năng thực hiện đề tài lớn. Thiếu chuyên gia đầu ngành ở một số lĩnh vực. 3. Số lượng công bố quốc tế có xu hướng giảm, không đều ở các đơn vị. Thiếu sản phẩm ứng dụng mang dấu ấn của Trườn. 4. Số lượng đề tài KHCN không hoàn thành, phải thanh lý còn nhiều. 5. Nhiều Trung tâm, Viện nghiên cứu hoạt động không hiệu quả. Nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ (bao gồm NCKH, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm và hỗ trợ khởi nghiệp) còn thấp so với nguồn thu từ học phí.

Lĩnh vực	Điểm mạnh	Điểm tồn tại
6. Cơ sở vật chất	1. Khuôn viên Nhà trường luôn được cải tạo chỉnh trang, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp. 2. Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm từng bước được đầu tư, cải tạo nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.	1. Khuôn viên tại cơ sở chính (Nguyễn Lương Bằng) nằm trong quy hoạch đô thị của thành phố, không thể mở rộng trong tương lai. Khuôn viên đất ở Hoà Quý-Điện Ngọc cách xa trung tâm thành phố và tách biệt với cơ sở chính. 2. Một số công trình, khu giảng đường được xây dựng trên 20 năm đến nay đã xuống cấp, chưa được nâng cấp đồng bộ. 3. Số lượng phòng thực hành, thí nghiệm lớn. Kinh phí đầu tư sửa chữa, mua sắm trang thiết bị hạn chế; đầu tư, mua sắm thiết bị còn dàn trải, không tập trung. 4. Số lượng sách, giáo trình do giảng viên biên soạn còn ít, chưa tương xứng với tiềm lực. Nhiều môn học chưa có giáo trình phục vụ đào tạo, đặc biệt đối với trình độ sau đại học. Công tác rà soát, bổ sung, cập nhật học liệu mới (bản in và bản điện tử) phục vụ đào tạo chưa kịp thời, chưa đáp ứng quy định về tài liệu phục vụ đào tạo.

4. Kết quả thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025

Kết quả thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường 2020-2025 được phân tích, đánh giá thông qua các chỉ số đo lường và chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Phương hướng	Chỉ số đo lường	Chỉ tiêu đến năm 2025 (theo QĐ số 1838/QĐ- ĐHBK ngày 09/7/2021)	Kết quả thực hiện (đến 30/6/2025)
1	Thực hiện quyền tự chủ đại học về học thuật và hoạt động chuyên môn, tổ chức bộ máy và nhân sự, tài chính và tài sản.	1. Được quyền tự chủ đại học về học thuật và hoạt động chuyên môn, tổ chức bộ máy và nhân sự, tài chính và tài sản (P1.1) 2. Thực hiện tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn (mở ngành, xác định chỉ tiêu tuyển sinh,...) (P1.2) 3. Thực hiện tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự (P1.3) 4. Thực hiện tự chủ về tài chính và tài sản (P1.4) 5. Thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của cơ sở giáo dục tự chủ đại học (P1.6) 6. Được quyền tự chủ đại học về học thuật và hoạt động chuyên môn, tổ chức bộ máy và nhân sự, tài chính và tài sản (P1.1)	Nhà trường được công nhận CSGD Đại học tự chủ, đạt tiêu chuẩn kiểm định chu kỳ 2	Đạt
2	Nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của	1. Số lượng CTĐT đạt chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia hoặc quốc tế (P2.1)	23 CTĐT, trong đó có 04 CTĐT Thạc sĩ	26 CTĐT (Đạt)

	các bên liên quan, khung trình độ quốc gia và tiệm cận với chất lượng quốc tế; đảm bảo khả năng có việc làm phù hợp của người học sau khi tốt nghiệp.	2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp từ loại Khá trở lên (P2.2)	$\geq 75\%$	78,5% (Đạt)
		3. Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ (P2.3)	55% TN đúng tiến độ	37,7% (Chưa đạt)
		4. Tỷ lệ SV bỏ học sau 2 năm đầu	< 15% so với tuyển sinh đầu vào	8,9% (Đạt)
		5. Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo sau 1 năm tốt nghiệp	Tối thiểu 90% SVTN	97,8% (Đạt)
		6. Số lượng đề tài tốt nghiệp gắn với nhu cầu thực tiễn doanh nghiệp.	12% đề tài TN gắn với doanh nghiệp	
		7. Tăng số lượng nghiên cứu sinh hoàn thành luận án tiến sĩ (P2.8)	cấp 25 bằng TS	cấp 27 bằng (Đạt)
3	Nâng cao chất lượng và số lượng nghiên cứu khoa học cơ bản, công nghệ nguồn, chuyển giao và các sản phẩm ứng dụng.	1. Phát triển các nhóm nghiên cứu chuyên sâu hoặc nghiên cứu phát triển công nghệ nguồn	03 nhóm	01 nhóm (Chưa đạt)
		2. Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển giao, tư vấn (P3.2)	15% tổng thu toàn trường	16,4% (Đạt)
		3. Số lượng các công bố khoa học trên các tạp chí thuộc WoS/Scopus, tăng 10%/năm (P3.3)	> 750 bài (tổng 05 năm)	841 bài (Đạt)
		4. Tăng số lượng hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ (P3.5)	25 đơn đăng ký được chấp nhận	44 đơn (Đạt)

		5. Gia tăng số đề tài KHCN được thực hiện hoặc được chuyển giao (P3.6)	51 đề tài	66 đề tài (Đạt)
		6. Gia tăng số đề tài KHCN được thực hiện thông qua hợp tác quốc tế (P3.7)	20 đề tài (tổng 5 năm)	46 đề tài (Đạt)
4	Phát triển năng lực, trình độ của đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý, giảng viên và nhân viên để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và quản trị đại học tiên tiến.	1. Tăng tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ trên tổng số GV toàn Trường (P4.1).	$\geq 70\%$	76% (Đạt)
		2. Tăng tỷ lệ giảng viên có học hàm GS, PGS trên tổng số GV toàn Trường (P4.2)	$\geq 20\%$	20,2% (Đạt)
5	Xây dựng môi trường học tập, làm việc, nghiên cứu, sáng tạo theo mô hình hệ sinh thái giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển Nhà trường.	1. Tăng cường đầu tư, trang bị các PTN theo nhóm ngành (P5.1)	06 PTN	PTN Thiết kế vi mạch, PTN cơ khí hàng không (KP), PTN tự động hoá SMC, PTN trọng điểm quốc gia Cơ điện tử và ứng dụng,
		2. Cải thiện không gian tự học cho sinh viên (P5.4)	05 khu tự học (khu A, F, H, E, HL&TT)	Khu A, C, PFIEV, Trung tâm HL&TT, Maker Innovation Space
		3. Cải thiện, nâng cấp hạ tầng CNTT đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu của VC và người học (P5.6)	Phủ internet toàn bộ các khu giảng đường, khu THPTN	Khu F, H (60%); Khu E, B, C (70%); khu THPTN (40%, trừ Xưởng Nhiệt)

6	Nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp thông qua các hoạt động chuyên môn và công tác xã hội.	1. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên và giảng viên tham gia khảo sát (P6.1)	$\geq 80\%$	$> 90\%$
		2. Tăng cường các hoạt động đổi mới sáng tạo kết nối với địa phương và quốc gia (P6.4)	05 hoạt động	
		3. Tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp và xã hội nhằm gia tăng cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp (P6.5)	15 kết nối/năm	16 kết nối (năm 2024)
7	Phát triển nguồn lực tài chính nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển Nhà trường	1. Tăng nguồn thu trung bình đáp ứng nhu cầu phát triển và nâng cao đời sống viên chức, người lao động (P7.1)	Tăng 05-07%/năm	7,0 % (Trung bình 3 năm 2022-2024)
		2. Tăng thu nhập bình quân của viên chức, người lao động (P7.2)	Tăng 05%/năm	8,5%/năm (Trung bình 3 năm 2022-2024)

III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045

1. Quan điểm

a) Phát triển Trường Đại học Bách khoa theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, đạt chất lượng ngang tầm các đại học trong lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

b) Ưu tiên đầu tư phát triển một số ngành kỹ thuật và công nghệ mà Nhà trường có thể mạnh, đóng góp trực tiếp vào việc thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung và cả nước.

c) Tiếp tục tìm kiếm, huy động các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển, trong đó ưu tiên mở rộng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật.

2. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Trường Đại học Bách khoa trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, có năng lực cạnh tranh trên thị trường nhân lực quốc gia và quốc tế; là trung tâm uy tín trong nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp của quốc gia và quốc tế.

a) Giai đoạn 2025-2030

Phát triển Trường Đại học Bách khoa thành trường đại học nghiên cứu trọng điểm khu vực miền Trung, có uy tín ngang tầm các đại học kỹ thuật công nghệ hàng đầu khu vực Đông Nam Á và tiệm cận các nhóm trường đại học kỹ thuật công nghệ hàng đầu châu Á; đóng vai trò hạt nhân, dẫn dắt trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực miền Trung và cả nước.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển trường Đại học Bách khoa thành đại học nghiên cứu đổi mới sáng tạo, tự chủ toàn diện, trọng điểm của khu vực miền Trung và cả nước, có mô hình đại học thông minh, tiên tiến thuộc nhóm các trường đại học kỹ thuật công nghệ hàng đầu châu Á.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Trường Đại học Bách khoa là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, kỹ sư chất lượng cao; trung tâm thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, có uy tín trong khu vực Đông Nam Á và châu Á;

- Phát triển trường Đại học Bách khoa thành trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo đứng đầu khu vực miền Trung về khoa học, kỹ thuật và công nghệ; ưu tiên các lĩnh vực công

nghệ trọng điểm, chiến lược phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng của địa phương, khu vực miền Trung và cả nước;

- Tăng cường đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu, đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện mô hình quản trị đại học tiên tiến phù hợp thực tiễn Nhà trường, với hệ thống quản trị hiện đại dựa trên nền tảng số, tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả.

4. Chỉ tiêu đến năm 2030

4.1. Tuyển sinh và đào tạo

a) Quy mô đào tạo trên 20.000 người học, trong đó quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và tương đương chiếm 03-08% tổng quy mô đào tạo; ưu tiên đào tạo, mở mới các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao, các dự án trọng điểm quốc gia trong từng giai đoạn của Việt Nam.

b) Đào tạo, cung cấp cho thành phố Đà Nẵng, khu vực miền Trung và cả nước khoảng 500 kỹ sư chuyên ngành vi điện tử, thiết kế vi mạch, trí tuệ nhân tạo và khoảng 5000 kỹ sư ngành gần có thể tham gia lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.

c) Đào tạo ít nhất 30 tiến sĩ về khoa học, kỹ thuật và công nghệ đóng góp cho các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu trong nước.

d) Có ít nhất 02 CTĐT liên kết quốc tế; 02 chương trình đào tạo kỹ sư tài năng; 02 nhóm ngành/ngành được xếp hạng trong hệ thống xếp hạng uy tín khu vực và thế giới.

đ) Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn đạt trung bình từ 55% đến 60%.

4.2. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

a) Phát triển 01-02 nhóm nghiên cứu mạnh và 02-03 nhóm nghiên cứu tiềm năng.

b) Thành lập mới 02 Trung tâm xuất sắc về đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Hằng năm thu hút được trung bình 03 đến 05 nhà khoa học và chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu.

c) Trung bình mỗi giảng viên (toàn thời gian) có 0,6 công bố khoa học/năm trên tạp chí uy tín trong danh mục Web of Science hoặc Scopus.

d) Có ít nhất từ 01 đến 02 sản phẩm mang thương hiệu Đại học Bách khoa ("Made in DUT"); 50 hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ, trong đó có ít nhất 10% hồ sơ đăng ký được công nhận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

đ) Tỷ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ (bao gồm NCKH, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm và hỗ trợ khởi nghiệp) trên tổng thu, tính trung bình trong 03 năm gần nhất, đạt tối thiểu 15%.

e) Tăng tỷ lệ đề tài, dự án KHCN các cấp có sản phẩm đầu ra ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao cho doanh nghiệp, địa phương, trung bình 30%/năm.

g) Thiết lập và vận hành ít nhất 01 trung tâm chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo theo mô hình liên kết 3 Nhà “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”.

h) Tối thiểu 70% đề tài/dự án KHCN cấp Trường phải có mục tiêu ứng dụng thực tiễn (có bằng chứng cụ thể như báo cáo đánh giá nhu cầu địa phương/doanh nghiệp hoặc cam kết tiếp nhận kết quả nghiên cứu).

4.3. Cơ sở vật chất

a) Xây dựng mới 02 khu giảng đường (cùng với hệ thống các khu giảng đường hiện có đáp ứng quy mô đào tạo khoảng 20.000 sinh viên với diện tích sàn tối thiểu 2,8m²/SV).

b) Đầu tư nâng cấp 14 phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo.

c) Xây dựng mới 05 phòng thí nghiệm trọng điểm phục vụ đào tạo, nghiên cứu.

4.4. Phát triển đội ngũ

a) Tổng số giảng viên cơ hữu đạt ít nhất 500 giảng viên, trong đó trên 75% giảng viên có trình độ tiến sĩ, trên 20% giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư.

b) Thu hút, tuyển dụng và đào tạo được 100 giảng viên, nhà khoa học trẻ tài năng, trong đó có ít nhất 20 giảng viên từ đề án đào tạo nguồn giảng viên từ sinh viên giỏi.

4.5. Tài chính

a) Chi đầu tư phát triển và nâng cao đời sống viên chức, người lao động: tăng tối thiểu 5%/năm.

b) Chỉ số tăng trưởng bền vững, được xác định bằng trung bình cộng tốc độ tăng tổng thu và tốc độ tăng phần thu ngoài học phí, ngoài ngân sách Nhà nước/nhà đầu tư hỗ trợ chi thường xuyên trong 03 năm gần nhất, không âm.

5. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện

Để đạt được các chỉ tiêu của các phương hướng chiến lược, Nhà trường triển khai 07 nhóm giải pháp có tác động tương tác nhau, như sau:

5.1. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện mô hình quản trị đại học tiên tiến

a) Nâng cao năng lực, đổi mới quản trị đại học dựa trên hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả đầu ra (KPI) kết hợp mục tiêu và kết quả then chốt (OKR).

b) Xây dựng đề án chuyển đổi số làm cơ sở xây dựng hệ sinh thái quản trị đại học trên nền tảng số và mô hình đại học số chia sẻ.

c) Sắp xếp tinh gọn bộ máy gắn với hoạt động hiệu quả dựa trên đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị đại học. Xây dựng và thực thi chính sách quản lý, đánh giá viên chức, người lao động dựa trên hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc.

d) Định kỳ rà soát, sửa đổi quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đảm bảo phù hợp với Luật giáo dục đại học sửa đổi và các văn bản quy định của Nhà nước.

5.2. Hiện đại hoá hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu

a) Hoàn thiện quy hoạch chi tiết 1/500 tại cơ sở 54 Nguyễn Lương Bằng, đảm bảo hiện đại, đồng bộ, hợp lý và bền vững, đáp ứng nhu cầu sử dụng, học tập và nghiên cứu của người học; tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng và môi trường.

b) Tập trung đầu tư nâng cấp, hiện đại hoá các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo. Sắp xếp, bố trí hệ thống các PTN theo quan điểm dùng chung cho nhóm ngành/lĩnh vực để ưu tiên đầu tư có trọng điểm và khai thác hiệu quả.

c) Xây dựng, hoàn thiện đề án đầu tư xây dựng các PTN trọng điểm phục vụ đào tạo, nghiên cứu các lĩnh vực công nghệ ưu tiên: điện tử bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, công nghệ vật liệu, tự động hoá, đường sắt tốc độ cao.

d) Có chính sách khuyến khích và bắt buộc giảng viên biên soạn bài giảng, giáo trình. Chú trọng phát triển thư viện điện tử và tài liệu điện tử, liên kết với thư viện các trường đại học thành viên trong Đại học Đà Nẵng, cũng như với thư viện các trường đại học trong nước và trên thế giới nhằm tăng số lượng và khai thác hiệu quả tài liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu.

đ) Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ để tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động của Nhà trường. Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước; tài trợ từ doanh nghiệp, cựu sinh viên để phát triển cơ sở vật chất, ký túc xá cho sinh viên.

5.3. Phát triển đội ngũ

a) Đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, năng lực đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý, đội ngũ giảng viên, chuyên viên; sắp xếp quy hoạch viên chức theo vị trí việc làm phù hợp với bộ máy tổ chức và năng lực, sở trường mỗi cá nhân.

b) Cải thiện điều kiện làm việc, xây dựng chế độ chính sách đủ mạnh để thu hút, tuyển dụng giảng viên trẻ xuất sắc từ nước ngoài; phát triển, giữ chân đội ngũ giảng viên và viên chức quản lý hiện có.

c) Hoàn thiện các quy định về biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm đối với giáo sư, phó giáo sư và các chức danh giảng viên khác phù hợp với thông lệ quốc tế, các văn bản quy định của Nhà nước và thực tiễn của Nhà trường.

d) Triển khai hiệu quả đề án đào tạo nguồn giảng viên từ sinh viên giỏi. Có chính sách ưu tiên, hỗ trợ đặc biệt đối với các ngành đào tạo nguồn nhân lực công nghệ ưu tiên, công nghệ chiến lược.

5.4. Cải tiến, đổi mới nội dung chương trình đào tạo (CTĐT), chú trọng đào tạo kỹ sư tài năng cho các lĩnh vực công nghệ ưu tiên và công nghệ chiến lược phục vụ quốc phòng, an ninh và Cách mạng công nghiệp 4.0

a) Cải tiến CTĐT trình độ đại học và sau đại học, đảm bảo tính liên thông, tích hợp liên ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp tục học tập nâng cao trình độ. Hoàn thành rà soát, cải tiến CTĐT trình độ đại học theo định hướng kỹ sư chuyên sâu đặc thù 150 ± 03 tín chỉ, thời gian đào tạo 4,5 năm; tích hợp nội dung về năng lực số, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, tinh thần doanh nhân và khởi nghiệp, chú trọng năng lực người học sau khi tốt nghiệp.

b) Phát triển, mở mới các chương trình đào tạo đại học và sau đại học đáp ứng nguồn nhân lực các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ chiến lược như điện tử vi mạch, trí tuệ nhân tạo ứng dụng, Internet vạn vật, mạng di động thế hệ sau, robot và tự động hoá; công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng thông minh, đường sắt tốc độ cao; công nghệ sinh học trong nông nghiệp, công nghiệp; năng lượng tái tạo, công nghệ vật liệu tiên tiến.

c) Hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và trên thế giới xây dựng các CTĐT tài năng gắn với NCKH, đổi mới sáng tạo trong các ngành thuộc một số lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ ưu tiên của công nghiệp 4.0 như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo.

d) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho sinh viên tài năng nghiên cứu, công bố khoa học, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

5.5. Nâng cao chất lượng tuyển sinh và đào tạo; tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và đảm bảo khả năng có việc làm phù hợp của người học sau khi tốt nghiệp

a) Đổi mới, linh hoạt công tác tư vấn tuyển sinh, đảm bảo phù hợp với thực tiễn; lựa chọn phương thức tuyển sinh hợp lý theo hướng đánh giá đúng năng lực người học, đảm bảo chất lượng đầu vào.

b) Đổi mới phương pháp dạy học trên cơ sở chú trọng áp dụng công nghệ dạy học trên nền tảng số; đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng kết hợp giữa đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực vận dụng kiến thức của người học.

c) Tổ chức các khoá đào tạo ngắn hạn nhằm trang bị, bổ sung kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực cho sinh viên (đang học tại trường) và đội ngũ cán bộ kỹ thuật (tại doanh nghiệp). Chú trọng phát triển các lớp, CTĐT giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, đặc biệt đối với các ngành yêu cầu sinh viên làm việc trong môi trường quốc tế.

d) Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, các tập đoàn công nghiệp lớn trong và ngoài nước tham gia xây dựng CTĐT, tiếp nhận sinh viên thực tập. Tổ chức các khoá học trải nghiệm, các khoá đào tạo, phát triển kỹ năng mềm (đặc biệt năng lực ngoại ngữ) để sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm và có khả năng làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả đề án cổ vấn học tập. Phát huy hiệu quả vai trò của giảng viên chủ nhiệm và đội ngũ cổ vấn học tập.

e) Tiếp tục xây dựng, cải tiến và hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong (IQA). Cải tiến liên tục chất lượng CTĐT thông qua việc định kỳ rà soát, đánh giá CTĐT theo các tiêu chuẩn, khuyến nghị của các tổ chức kiểm định; ý kiến phản hồi của các bên liên quan và các yêu cầu mới của thị trường lao động. Có lộ trình và kế hoạch kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 3) và CTĐT, trong đó ưu tiên kiểm định theo các tiêu chuẩn quốc tế đối với các CTĐT có chất lượng và tỷ lệ tuyển sinh đầu vào tốt.

5.6. Phát triển nguồn lực nghiên cứu khoa học (NCKH), gia tăng công bố quốc tế và sản phẩm ứng dụng; xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh gắn với các chương trình nghiên cứu trong lĩnh vực có thể mạnh

a) Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh có sự tham gia của các giảng viên, nhà khoa học từ các đại học, viện nghiên cứu, chuyên gia từ các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới. Có chính sách đầu tư kinh phí (miễn, giảm học phí, hỗ trợ sinh hoạt phí,... với cam kết về kết quả NCKH) cho các nhóm nghiên cứu để chủ động tìm kiếm, đào tạo các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh tiềm năng. Ưu tiên bố trí kinh phí NCKH cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu tạo ra sản phẩm ứng dụng gắn với đào tạo sau đại học.

b) Xây dựng mô hình nhóm nghiên cứu – giảng dạy. Xây dựng quy định giờ giảng định mức linh hoạt, tạo điều kiện cho giảng viên có năng lực nghiên cứu ưu tiên tập trung dành thời gian cho nghiên cứu. Khen thưởng, động viên kịp thời giảng viên, nghiên cứu viên và người học có công trình công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín hoặc tạo ra các sản phẩm đề tài có tính ứng dụng thực tiễn cao.

c) Thành lập Trung tâm đào tạo, nghiên cứu xuất sắc về vi mạch, trí tuệ nhân tạo và các ngành công nghệ chiến lược, công nghệ ưu tiên của công nghiệp 4.0 theo định hướng, nhu cầu thực tiễn.

d) Phát triển mô hình nghiên cứu “Ba Nhà” (Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp) trên cơ sở các nhóm nghiên cứu mạnh để giải quyết các vấn đề/nhiệm vụ cấp thiết của địa phương, doanh nghiệp. Đẩy mạnh gắn kết hoạt động KHCN với nghiên cứu, chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực thể mạnh dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát huy vai trò là cơ sở đào tạo kỹ thuật - công nghệ hàng đầu khu vực miền Trung.

đ) Tìm kiếm, mở rộng nguồn lực tài chính cho NCKH. Thành lập các nhóm chuyên gia xây dựng dự án để tìm kiếm nguồn tài trợ, thực hiện các định hướng nghiên cứu, chương trình nghiên cứu, chương trình mục tiêu theo từng lĩnh vực. Xây dựng quỹ học bổng dành cho sinh viên tài năng, học viên sau đại học có hoàn cảnh khó khăn từ nguồn tài trợ doanh nghiệp, cựu sinh viên và các nguồn hợp pháp khác.

5.7. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng

a) Rà soát, đánh giá hiệu quả triển khai các MoU, MoA đã ký kết với các trường đại học trên thế giới.

b) Chủ động và tích cực tham gia mạng lưới giáo dục quốc tế; các tổ chức, hiệp hội quốc tế, các sự kiện giáo dục quốc tế nhằm nâng cao vị thế của Trường và Đại học Đà Nẵng. Phát triển các chương trình đào tạo liên kết theo mô hình 2+2, 3+1 (bậc đại học), chương trình liên kết sau đại học với các trường đại học đối tác, có uy tín. Đẩy mạnh chương trình hợp tác trao đổi sinh viên, giảng viên.

c) Đổi mới mạnh mẽ CTĐT theo tiêu chuẩn quốc tế. Khuyến khích các CTĐT thiết kế dựa trên các CTĐT quốc tế đã được kiểm định; lựa chọn và sử dụng giáo trình nước ngoài làm giáo trình hoặc tài liệu tham khảo chính đối với các học phần giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh.

d) Mở thêm mới ít nhất 01 CTĐT giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh. Thông qua các CTĐT giảng dạy bằng tiếng Anh để tăng tỷ lệ sinh viên quốc tế đến học tập, trao đổi tại Trường.

đ) Đẩy mạnh kết nối với các nhà khoa học ở các trường đối tác tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế có tầm ảnh hưởng lớn. Khuyến khích, tạo điều kiện để giảng viên tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức trong nước và quốc tế.

e) Xây dựng chính sách đặc thù để thu hút, mời các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ đào tạo, phối hợp nghiên cứu, trao đổi học thuật.

5.8. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

a) Tăng cường kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thành phố Đà Nẵng và các địa phương trong khu vực, các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế, có gắn kết đồng hành của nhà đầu tư và doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế hỗ trợ hiệu quả đối với giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

b) Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng không gian sáng tạo hiện đại, kết nối hỗ trợ doanh nghiệp, tạo môi trường tổ chức hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong sinh viên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

1. Để thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường, Ban Giám hiệu Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết hàng năm, các đề án trọng tâm, cấp thiết cho từng nhóm phương hướng, giải pháp để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHBK, ĐHĐN giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045.

2. Các đơn vị chức năng, khoa, trung tâm trực thuộc và thuộc Trường ĐHBK, ĐHĐN căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030 của đơn vị mình và các kế hoạch hoạt động hàng năm, đảm bảo đạt được các mục tiêu, các chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược Trường ĐHBK, ĐHĐN giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045.

3. Hàng năm, Trường ĐHBK, ĐHĐN và các đơn vị tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động năm tiếp theo cho phù hợp với kế hoạch chiến lược Trường ĐHBK, ĐHĐN giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045. Việc kiểm điểm, đánh giá hiệu quả công việc hàng năm của tập thể, cá nhân cần tập trung vào các nhóm phương hướng, giải pháp chiến lược và các chương trình trọng điểm trong phạm vi toàn Trường ĐHBK, ĐHĐN cũng như ở từng đơn vị thành viên.

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]

PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiếu